

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 14 /2019/HSST

Ngày 28/3/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Công Phúc

+ Ông Phan Thành Tài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/TLST- HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/HSST-QĐXX ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, tên gọi khác: Rin. Sinh ngày: 04/3/1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12 Con nòng nọc; gia đình của bà: Dương Thị X. Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không, tiền án: Ngày 22/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 26/11/2014, bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Tái phạm”. Ngày 26/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Tái phạm”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2018. Có mặt.

- Bị hại: Trần Quốc S, sinh năm 1980. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 5, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Phạm Ngọc T, sinh năm 1988. Vắng mặt

Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

+ Phạm Thanh P, sinh năm 1983. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 14, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng

+ Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1990. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 5, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là đối tượng đã có 03 tiền án. Vào khoảng 14 giờ ngày 26/10/2018, Nguyễn Văn S đi đến khu vực Bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng đón taxi hãng Tiên Sa biển kiểm soát (BKS) 43A – 146.89 do anh Trần Quốc S điều khiển. Nguyễn Văn S yêu cầu anh Trần Quốc S chở đến thôn V, xã B, huyện T để Nguyễn Văn S gặp anh Huỳnh Văn L (sinh năm 1983, là bạn của Nguyễn Văn S). Khi Nguyễn Văn S đến nhà anh L thì anh L không có ở nhà nên S gọi cho anh L thì biết anh L đang ở thành phố Đà Nẵng nên Nguyễn Văn S yêu cầu anh Trần Quốc S chở S ra lại Đà Nẵng. Trên đường đi, S mượn điện thoại di động hiệu Oppo F1s của anh Trần Quốc S gọi cho anh L. Do thấy điện thoại của anh Trần Quốc S có giá trị nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại này. Khi anh Trần Quốc S điều khiển xe BKS 43A – 146.89 chở S đi đến khu vực gần chợ V, xã B, huyện T (khu vực này là đoạn đường vắng, hai bên đường là rừng keo lá tràm) thì S yêu cầu anh Trần Quốc S dừng xe rồi S đi ra khỏi xe. Anh Trần Quốc S sợ S không trả tiền taxi nên cũng ra khỏi xe và đi theo S. S hỏi mượn điện thoại của anh Trần Quốc S với ý đồ chiếm đoạt nhưng anh Trần Quốc S không cho mượn mà gọi về cho tổng đài taxi Tiên Sa. Khi anh Trần Quốc S đang cầm điện thoại trên tay thì bị S giật lấy điện thoại rồi bỏ đi bộ cách anh Trần Quốc S khoảng 5m thì S bỏ chạy vào rừng keo lá tràm. Anh Trần Quốc S chạy đuổi theo S nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại Oppo F1s của anh Trần Quốc S, S dùng điện thoại này gọi xe Taxi Mai Linh để đi Đà Nẵng. Trên đường ra Đà Nẵng, S mượn anh Nguyễn Thành Đ là lái xe taxi Mai Linh số tiền 750.000 đồng để lấy đồ, hẹn đến Đà Nẵng S sẽ trả tiền mượn và tiền taxi cho anh Đ. Khi ra đến Đà Nẵng, S xuống xe tại đường Hoàng Văn Thái, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, S gọi cho anh Phạm Ngọc T đến chở S về nhà trọ của T tại Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng. Ngày 27/10/2018, S đưa điện thoại Oppo F1s chiếm đoạt được của anh Trần Quốc S cho anh T và nhờ anh T mang đi cầm. Anh T đem điện thoại Oppo F1s đến tiệm cầm đồ Gold của anh Phạm Thanh P (tại địa chỉ tổ 14, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) cầm cố được 1.700.000 đồng. Số tiền này anh T đem về đưa cho S, S trả cho anh Nguyễn Thành Đ 750.000 đồng, còn tiền taxi thì S hẹn trả sau. Số tiền còn lại S đã tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 21/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị điện thoại di động Oppo F1s mà Nguyễn Văn S chiếm đoạt của anh Trần Quốc S là 960.000 đồng (chín trăm sáu chục ngàn đồng).

*** Về vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ một điện thoại di động hiệu Oppo F1s. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả cho anh Trần Quốc S.

Tại bản cáo trạng số 17 CT-VKS ngày 07/03/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “*Cướp giật tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171 BLHS 2015; các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 36 đến 42 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 589 BLDS năm 2015 xử buộc Nguyễn Văn S phải trả cho anh Phạm Thanh P số tiền 1.700.000 đồng là tiền anh P đã cầm cố điện thoại Oppo F1s; trả cho anh Nguyễn Thành Đ 750.000 đồng tiền cước taxi.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 26/10/2018, Nguyễn Văn S (có 03 tiền án chưa được xóa án tích) đón xe taxi hãng Tiên Sa BKS 43A – 146.89 do anh Trần Quốc S làm điều khiển đi từ Bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng về thôn V, xã B, huyện T để gặp anh Huỳnh Văn L nhưng anh L không có nhà nên S yêu cầu anh Trần Quốc S chờ ra lại Đà Nẵng. Trên đường đi ra lại Đà Nẵng, S nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Oppo F1s của anh Trần Quốc S nên yêu cầu anh Trần Quốc S dừng xe tại khu vực gần chợ V thuộc xã B, huyện T. Tại khu vực này, S mượn điện thoại của anh Trần Quốc S nhưng anh Trần Quốc S không đồng ý nên S giật lấy điện thoại của anh Trần Quốc S rồi bỏ đi. Khi anh Trần Quốc S đòi lại điện thoại nhưng S không trả mà nhanh chóng bỏ chạy và chiếm đoạt điện thoại Oppo F1s của anh Trần Quốc S. Nguyễn Văn S đem điện thoại Oppo F1s chiếm đoạt được của anh Trần Quốc S nhờ anh Tới mang đi cầm tại tiệm cầm đồ Gold của anh Phạm Thanh P (tại quận L, thành phố Đà Nẵng) được 1.700.000 đồng. Giá trị tài sản mà Nguyễn Văn S chiếm đoạt được của anh Trần Quốc S được định giá là 960.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 26/12/2014, Nguyễn Văn S bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo qui

định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999, nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc định khung tăng nặng t ã phạm nguy hiểm, tội phạm v à hành phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xế t ình chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nh ân th ân của bị cáo, c ác t ình tiết tăng nặng v à giảm nhẹ tr ách nhiệm hình sự th ì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ x âm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với t ình chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm rèn đe bị cáo v à tạo tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Xế nh ân th ân, hoàn cảnh gia đình và các tình tiết tăng nặng v à giảm nhẹ tr ách nhiệm hình sự của bị cáo th ì thấy: Bị cáo có nh ân th ân xấu: có 03 tiền án chưa được xóa án t ìch nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp t ã phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung nên không được xem là t ình tiết tăng nặng cho bị cáo. Trong giai đoạn điều tra, xế xử bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nhất định. Do vậy, Hội đồng xế xử sẽ áp dụng c ác t ình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 BLHS 2015 để xem xế quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tr ách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 BLDS năm 2015 xử buộc Nguyễn Văn S phải trả cho anh Phạm Thanh P số tiền 1.700.000 đồng là tiền S đã cầm cố điện thoại Oppo F1s.

Anh Nguyễn Thành Đ y êu cầu Nguyễn Văn S phải trả cho anh Đ 750.000 đồng tiền cước taxi; Đây là quan hệ dân sự không nằm trong vụ án nên gi ành quyền cho Nguyễn Thành Đ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự kh ác

[5] Về án ph í hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án ph í lệ ph í t ã án, xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

[6] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

V ì c ác lẽ tr ân:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật t ã sản”,

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm i, khoản 2, Điều 171, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn S mức án 03 (ba) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù t ình từ ng ày bắt tạm giam 02/11/2018

3/Về tr ách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 BLDS năm 2015 xử buộc Nguyễn Văn S phải trả cho anh Phạm Thanh P số tiền 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) là tiền anh P đã cầm cố điện thoại Oppo F1s.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không bồi thường xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi qui định tại Điều 468 BLDS năm 2015

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí tố tụng, xử buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niên yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Mạnh Dũng